TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 191/2024/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 23 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 117/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963.
Địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Nguyễn Văn N Luật sự Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963.
Địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1/. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982.
2/. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1985.
3/. Chị Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1991.
Cùng địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Theo biên bản hòa giải thành ngày 15 thành 05 năm 2024 thì bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L mỗi người tự nguyện nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000 đồng, nhưng bà T và ông L có làm đơn xin miễn tiền án phí thuộc diện người cao tuổi. Vì vậy, Tòa án miễn toàn bộ án phí mà bà T và ông L mỗi người có nghĩa vụ nộp là 75.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh với ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung tên: Nguyễn Văn B, sinh năm 1982; Nguyễn Văn L1, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1991 đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của bà T, ông L trước khi Tòa án tiến hành hòa giải về việc phân chia tài sản chung theo văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn ngày 14 tháng 5 năm 2024 như sau:

+ ông Nguyễn Văn L được quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 405, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.700m^2, loại đất cây ăn quả; Thửa 406, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.970m^2, loại đất ở quả cùng toàn bộ tài sản trên đất, cả 02 thửa đất tọa lạc ấp số 6, xã M, huyện C do ông L đứng tên. Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L đứng tên thửa đất 405, 406 nêu trên.

+ Bà Nguyễn Thị T được quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1283, tờ bản đồ số 25, diện tích 3.190,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ tài sản trên đất, thửa đất tọa lạc ấp số F, xã M, huyện C do ông L đứng tên. Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T đứng tên thửa đất 1283 nêu trên.

+ bà Nguyễn Thủy T và ông Nguyễn Văn L đồng ý tặng cho anh Nguyễn Văn L1 thửa 842, tờ bản đồ số 25, diện tích 4597,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ tài sản trên đất, thửa đất tọa lạc ấp số F, xã M, huyện C. Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn L1 đứng tên thửa đất 842 nêu trên.

+ Đối với thửa đất 259A, tờ bản đồ số 3, diện tích 1250m^2, loại đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ tài sản trên đất, thửa đất tọa lạc ấp số F, xã M, huyện C do ông L đứng tên anh Nguyễn Văn L1 mua 300.000.000 đồng, bà T và ông L đồng ý chia ½ giá trị mỗi người 150.000.000 đồng. Về thời hạn giao tiền do anh L1, bà T và ông L tự thỏa thuận.

Ghi nhận sự tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

Về nợ chung phải trả: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L được miễn nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *VKSND huyện;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *CCTHA huyện;*
- *UBND xã, thị trấn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Thẩm phán

Lê Thị Trúc Linh